

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT DÂN SỰ

(Áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2022, 2023)

I. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Luật dân sự sẽ có thể:

❖ Về kiến thức:

PLO1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, lý luận nhà nước và pháp luật, giáo dục quốc phòng để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

PLO2: Vận dụng kiến thức ngoại ngữ trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Tin học ứng dụng cơ bản vào hoạt động nghề nghiệp.

PLO3: Vận dụng kiến thức về luật nội dung để giải quyết các vấn đề pháp lý nói chung và quan hệ pháp luật dân sự nói riêng.

PLO4: Vận dụng kiến thức về luật hình thức để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO5: Vận dụng kiến thức về hệ thống pháp luật của các nước và luật quốc tế vào việc giải quyết các vấn đề có tính quốc tế.

PLO6: Vận dụng các kiến thức về kỹ năng, nghiệp vụ để áp dụng vào các hoạt động nghề nghiệp.

PLO7: Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

❖ Về kỹ năng:

PLO8: Đánh giá pháp luật thực định và hoạt động thực hiện pháp luật.

PLO9: Giải quyết những vụ việc, vụ án xảy ra trên thực tế.

PLO10: Tư vấn pháp luật cộng đồng và khách hàng.

PLO11: Soạn thảo các loại văn bản, hợp đồng phù hợp pháp luật quốc gia và luật quốc tế.

PLO12: Nghiên cứu khoa học pháp lý.

PLO13: Trình bày lập luận, luận điểm, phản biện trong nghiên cứu khoa học và xây dựng pháp luật.

PLO14: Giao tiếp hiệu quả trong hoạt động chuyên môn.

PLO15: Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

❖ **Về thái độ:**

PLO16: Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

PLO17: Thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tính trung thực, sự tự giác, và tác phong nghề nghiệp.

PLO18: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn.

PLO19: Biểu hiện thái độ tích cực hỗ trợ cộng đồng, người yếu thế hơn trong xã hội qua hoạt động chuyên môn.

PLO20: Thích ứng với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.

PLO21: Kiên quyết đấu tranh, phòng chống hành vi vi phạm pháp luật.

PLO22: Thể hiện ý thức học tập suốt đời.

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 50 tín chỉ, không bao gồm khối kiến thức Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất			
❖ Các học phần bắt buộc		42	
I. Kiến thức lý luận chính trị		11	
1.	Triết học Mác – Lênin	3	
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
II. Kiến thức Khoa học, Xã hội và Nhân văn		13	
6.	Logic học đại cương	2	
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	2	

8.	Tâm lý học đại cương	2	
9.	Tiếng việt thực hành	2	
10.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	
11.	Luật hiến pháp	3	
III. Kiến thức ngoại ngữ		13	
12.	Anh văn không chuyên 1	3	
13.	Anh văn không chuyên 2	4	
14.	Anh văn không chuyên 3	3	
15.	Anh văn không chuyên 4	3	
IV. Kiến thức Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên		3	
16.	Tin học ứng dụng cơ bản	3	
V. Kỹ năng ngoại khóa		2	
17.	Kỹ năng mềm	02	
VI. Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh			
18.	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	<i>1</i>	
19.	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	<i>1</i>	
20.	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	<i>1</i>	
21.	<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh*</i>	<i>8</i>	
❖ Các học phần tự chọn:		8	
22.	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo	2	
23.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
24.	Xã hội học đại cương	2	
25.	Nguồn của luật	1	

26.	Quyền con người – Quyền công dân	1	
27.	Xã hội học pháp luật	1	
28.	Luật thanh tra	2	
29.	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 74 tín chỉ			
I. Kiến thức cơ sở ngành		04	
30.	Lý luận nhà nước và pháp luật 1	2	
31.	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	2	
II. Kiến thức chuyên ngành		60	
❖ Các học phần bắt buộc		48	
32.	Luật Dân sự 1	2	
33.	Luật Hình sự 1	2	
34.	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh	2	
35.	Luật hành chính	3	
36.	Luật hình sự 2	2	
37.	Luật dân sự 2	2	
38.	Pháp luật về hành vi thương mại	2	
39.	Luật hôn nhân và gia đình	2	
40.	Luật tố tụng dân sự 1	2	
41.	Công pháp quốc tế	2	
42.	Luật tố tụng dân sự 2	2	
43.	Luật dân sự 3	2	
44.	Luật tố tụng hình sự	2	

45.	Luật ngân hàng	2	
46.	Luật lao động	2	
47.	Luật đất đai	2	
48.	Luật môi trường	2	
49.	Soạn thảo văn bản pháp luật	2	
50.	Luật sở hữu trí tuệ	2	
51.	Luật Tài chính nhà nước	2	
52.	Tư pháp quốc tế	3	
53.	Bảo đảm nghĩa vụ dân sự	2	
54.	Luật thi hành án dân sự	2	
❖ Các học phần tự chọn		12	
55.	Luật tổ tụng hành chính	2	
56.	Pháp luật về quyền nhân thân	2	
57.	Luật học so sánh	2	
58.	Pháp luật về nhà ở	2	
59.	Nghiệp vụ tòa án	2	
60.	Tội phạm học	2	
61.	Luật Hộ Tịch	2	
62.	Pháp luật về thừa phát lại	2	
63.	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	
64.	Nghề luật sư và đạo đức nghề luật	2	
65.	Luật Hành chính đô thị	2	
66.	Trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng	2	

67.	Chứng cứ - chứng minh trong tố tụng dân sự	1	
68.	Pháp luật về công chứng, chứng thực	1	
69.	Tiếng anh chuyên ngành	2	
III. Tốt nghiệp		10	
70.	Thực tập cuối khóa	3	<i>6 tuần</i>
71.	Khóa luận tốt nghiệp	7	<i>10 tuần</i>
	Hoặc học học phần thay thế:	7	
	- <i>Tiểu luận tốt nghiệp</i>	4	<i>6 tuần</i>
	- <i>Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam</i>	2	
	- <i>Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án</i>	1	
72.	Học môn thay thế	7	
	- <i>Án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam</i>	1	
	- <i>Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án</i>	2	
	- <i>Pháp luật về thủ tục rút gọn</i>	2	
	- <i>Luật Trọng tài thương mại</i>	2	
Tổng cộng		124	<i>Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất</i>